

TIẾT 1 :**TOÁN****SỐ 1 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA****I. Mục tiêu**

- Biết được số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó .
 - Biết số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó .
 - Biết số nào chia với 1 cũng bằng chính số đó .
- * Bài tập cần làm : 1,2,3

II. Chuẩn bị

- GV: Bộ thực hành Toán. Bảng phụ.
- HS: Vở

III. Các hoạt động

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
<p>1. <u>Khởi động</u> (1')</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> (3') Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none">- Sửa bài 4- GV nhận xét <p>3. <u>Bài mới</u></p> <p><u>Giới thiệu:</u> (1')</p> <ul style="list-style-type: none">- Số 1 trong phép nhân và chia. <p><u>Phát triển các hoạt động</u> (27')</p> <p>❖ <u>Hoạt động 1:</u> Giới thiệu phép nhân có thừa số 1.</p> <p>a) GV nêu phép nhân, hướng dẫn HS chuyển thành tổng các số hạng bằng nhau:</p> <p>$1 \times 2 = 1 + 1 = 2$ vậy $1 \times 2 = 2$ $1 \times 3 = 1 + 1 + 1 = 3$ vậy $1 \times 3 = 3$ $1 \times 4 = 1 + 1 + 1 + 1 = 4$ vậy $1 \times 4 = 4$</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS nhận xét: Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó. <p>b) GV nêu vấn đề: Trong các bảng nhân đã học đều có</p> <p>$2 \times 1 = 2$ ta có $2 : 1 = 2$</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hát- 2 HS lên bảng sửa bài 4. Bạn nhận xét.- HS chuyển thành tổng các số hạng bằng nhau: $1 \times 2 = 2$ $1 \times 3 = 3$ $1 \times 4 = 4$- HS nhận xét: Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.- Vài HS lặp lại.

$$3 \times 1 = 3 \quad \text{ta có } 3 : 1 = 3$$

- HS nhận xét: Số nào nhân với số 1 cũng bằng chính số đó.

Chú ý: Cả hai nhận xét trên nên gợi ý để HS tự nêu; sau đó GV sửa lại cho chuẩn xác rồi kết luận (như SGK).

❖ *Hoạt động 2*: Giới thiệu phép chia cho 1 (số chia là 1)

- Dựa vào quan hệ của phép nhân và phép chia, GV nêu:

$$1 \times 2 = 2 \quad \text{ta có} \quad 2 : 1 = 2$$

$$1 \times 3 = 3 \quad \text{ta có} \quad 3 : 1 = 3$$

$$1 \times 4 = 4 \quad \text{ta có} \quad 4 : 1 = 4$$

$$1 \times 5 = 5 \quad \text{ta có} \quad 5 : 1 = 5$$

- GV cho HS kết luận: Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

❖ *Hoạt động 3*: Thực hành

Bài 1: HS tính nhẩm (theo từng cột)

Bài 2: Dựa vào bài học, HS tìm số thích hợp điền vào ô trống (ghi vào vở).

$$1 \times 2 = 2 \quad 5 \times 1 = 5 \quad 3 : 1 = 3$$

$$2 \times 1 = 2 \quad 5 : 1 = 5 \quad 4 \times 1 = 4$$

Bài 3: HS tự nhẩm từ trái sang phải.

a) $4 \times 2 = 8$; $8 \times 1 = 8$ viết $4 \times 2 \times 1 = 8 \times 1 = 8$

b) $4 : 2 = 2$; $2 \times 1 = 2$ viết $4 : 2 \times 1 = 2 \times 1 = 2$

c) $4 \times 6 = 24$; $24 : 1 = 24$ viết $4 \times 6 : 1 = 24 : 1 = 24$

4. Củng cố – Dẫn dò (3')

- Nhận xét tiết học.
- Chuẩn bị: Số 0 trong phép nhân và phép chia.

- HS nhận xét: Số nào nhân với số 1 cũng bằng chính số đó.

- Vài HS lặp lại.

- Vài HS lặp lại:

$$2 : 1 = 2$$

$$3 : 1 = 3$$

$$4 : 1 = 4$$

$$5 : 1 = 5$$

- HS kết luận: Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

- Vài HS lặp lại.

- HS tính theo từng cột. Bạn nhận xét.

- 2 HS lên bảng làm bài. Bạn nhận xét.

- HS dưới lớp làm vào vở.

- 3 HS lên bảng thi đua làm bài. Bạn nhận xét.

TIẾT 2 :**TIẾNG VIỆT
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II****I. Mục tiêu**

- Đọc rõ ràng , rành mạch các bài tập đọc đã học từ tuần 19 đến tuần 26 (phát âm rõ ràng tốc độ khoảng 45 tiếng /phút); hiểu nội dung của đoạn , bài (trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc)
- Biết đặt và trả lời CH với khi nào ? (BT2,BT3); biết đáp lời cảm ơn trong tình huống giao tiếp cụ thể (1 trong 3 tình huống ở BT4)

II. Chuẩn bị

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng từ tuần 19 đến tuần 26.
- HS: Vở

III. Các hoạt động

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
<p>1. <u>Khởi động</u> (1')</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> (3') Sông Hương</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc bài và TLCH - GV nhận xét <p>3. <u>Bài mới</u></p> <p><u>Giới thiệu:</u> (1')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu mục tiêu tiết học. <p><u>Phát triển các hoạt động</u> (27')</p> <p>❖ <i>Hoạt động 1:</i> Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS lên bảng gấp thăm bài đọc. - Gọi HS đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc. - Gọi HS nhận xét bài bạn vừa đọc. - Cho điểm trực tiếp từng HS. - Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng HS của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này. <p>❖ <i>Hoạt động 2:</i> Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi: Khi nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - HS đọc bài và TLCH của GV, bạn nhận xét - Lần lượt từng HS gấp thăm bài, về chỗ chuẩn bị. - Đọc và trả lời câu hỏi. - Theo dõi và nhận xét.

- Bài 2
- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?
- Câu hỏi “Khi nào?” dùng để hỏi về nội dung gì?
- Hãy đọc câu văn trong phần a.
- Khi nào hoa phượng vĩ nở đỏ rực?
- Vậy bộ phận nào trả lời cho câu hỏi “Khi nào?”
- Yêu cầu HS tự làm phần b.
- Bài 3
- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.
- Gọi HS đọc câu văn trong phần a.
- Bộ phận nào trong câu trên được in đậm?
- Bộ phận này dùng để chỉ điều gì? Thời gian hay địa điểm?
- Vậy ta phải đặt câu hỏi cho bộ phận này ntn?
- Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau cùng thực hành hỏi đáp theo yêu cầu. Sau đó, gọi 1 số cặp HS lên trình bày trước lớp.
- Nhận xét và cho điểm HS.

❖ *Hoạt động 3:* Ôn luyện cách đáp lời cảm ơn của người khác

- Bài tập yêu cầu chúng ta: Tìm bộ phận của mỗi câu dưới đây trả lời cho câu hỏi: “Khi nào?”
- Câu hỏi “Khi nào?” dùng để hỏi về thời gian.
- Đọc: Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.
- Mùa hè, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.
- Mùa hè.
- Suy nghĩ và trả lời: khi hè về.
- Đặt câu hỏi cho phần được in đậm.
- Những đêm trăng sáng, dòng sông trở thành một đường trăng lung linh dát vàng.
- Bộ phận “Những đêm trăng sáng”.
- Bộ phận này dùng để chỉ thời gian.
- Câu hỏi: Khi nào dòng sông trở thành một đường trăng lung linh dát vàng?
- Một số HS trình bày, cả lớp theo dõi và nhận xét. Đáp án
- b) Khi nào ve nhớn như ca hát?/
Ve nhớn như ca hát khi nào?

<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập yêu cầu các em đáp lại lời cảm ơn của người khác. - Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau, suy nghĩ để đóng vai thể hiện lại từng tình huống, 1 HS nói lời cảm ơn, 1 HS đáp lại lời cảm ơn. Sau đó gọi 1 số cặp HS trình bày trước lớp. <p style="text-align: center;">- Nhận xét và cho điểm từng HS.</p> <p>4. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi “Khi nào?” dùng để hỏi về nội dung gì? - Khi đáp lại lời cảm ơn của người khác, chúng ta cần phải có thái độ ntn? - Dẫn dò HS về nhà ôn lại kiến thức về mẫu câu hỏi “Khi nào?” và cách đáp lại lời cảm ơn của người khác. - Chuẩn bị: Tiết 2 	<p>Đáp án:</p> <p>a) Có gì đâu./ Không có gì./ Đâu có gì to tát đâu mà bạn phải cảm ơn./ Ồ, bạn bè nên giúp đỡ nhau mà./ Chuyện nhỏ ấy mà./ Thôi mà, có gì đâu./...</p> <p>b) Không có gì đâu bà ạ./ Bà đi đường cẩn thận, bà nhé./ Dạ, không có gì đâu ạ./...</p> <p>c) Thưa bác, không có gì đâu ạ./ Cháu cũng thích chơi với em bé mà./ Không có gì đâu bác, lần sau bác bận bác lại cho cháu chơi với em, bác nhé./...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi “Khi nào?” dùng để hỏi về thời gian. - Chúng ta thể hiện sự lịch sự, đúng mực.
--	---

TIẾT 3 :

TIẾNG VIỆT ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

I. Mục tiêu

- Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở tiết 1
- Nắm được một số từ ngữ về bốn mùa (BT2) ; Biết đặt dấu vào chỗ thích hợp trong đoạn văn ngắn

(BT3)

II. Chuẩn bị

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng từ tuần 19 đến tuần 26. Bảng để HS điền từ trong trò chơi.
- HS: SGK, vở.

III. Các hoạt động

Hoạt động của Thầy					Hoạt động của Trò
<p>1. <u>Khởi động</u> (1')</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> (3')</p> <ul style="list-style-type: none">- Ôn tập tiết 1 <p>3. <u>Bài mới</u></p> <p><u>Giới thiệu</u>: (1')</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng. <p><u>Phát triển các hoạt động</u> (27')</p> <p>❖ <i>Hoạt động 1</i>: Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS lên bảng gấp thăm bài đọc.- Gọi HS đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc.- Gọi HS nhận xét bài bạn vừa đọc.- Cho điểm trực tiếp từng HS.- Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng HS của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này. <p>❖ <i>Hoạt động 2</i>: Trò chơi mở rộng vốn từ về bốn mùa</p> <ul style="list-style-type: none">- Chia lớp thành 4 đội, phát cho mỗi đội một bảng ghi từ (ở mỗi nội dung cần tìm từ, GV có thể cho HS 1, 2 từ để làm mẫu), sau 10 phút, đội nào tìm được nhiều từ nhất là đội thắng cuộc.- Đáp án:					<ul style="list-style-type: none">- Hát.- Lần lượt từng HS gấp thăm bài, về chỗ chuẩn bị.- Đọc và trả lời câu hỏi.- Theo dõi và nhận xét.- HS phối hợp cùng nhau tìm từ. Khi hết thời gian, các đội dán bảng từ của mình lên bảng. Cả lớp cùng đếm số từ của mỗi đội.
	Mùa xuân	Mùa hạ	Mùa thu	Mùa đông	
Thời gian	Từ tháng 1 đến	Từ tháng 4 đến tháng 6	Từ tháng 7 đến tháng 9	Từ tháng 10 đến tháng 12	

	tháng 3			
Các loài hoa	Hoa đào, hoa mai, hoa thược dược,...	Hoa phượng, hoa bằng lăng, hoa loa kèn,...	Hoa cúc...	Hoa mận, hoa gạo, hoa sữa,...
Các loại quả	Quýt, vú sữa, táo,...	Nhãn, sấu, vải, xoài,...	Bưởi, na, hồng, cam,...	Me, dưa hấu, lê,...
Thời tiết	Ấm áp, mưa phùn,...	Oi nồng, nóng bức, mưa to, mưa nhiều, lũ lụt,...	Mát mẻ, nắng nhẹ,...	Rét mướt, gió mùa đông bắc, giá lạnh,...

Tuyên dương các nhóm tìm được nhiều từ, đúng.

❖ **Hoạt động 3:** Ôn luyện cách dùng dấu chấm

- Yêu cầu 1 HS đọc đề bài tập 3.
- Yêu cầu HS tự làm bài vào vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.
- Gọi 1 HS đọc bài làm, đọc cả dấu chấm.

- Nhận xét và chấm điểm một số bài của HS.

4. **Củng cố – Dẫn dò (3')**

- Nhận xét tiết học.
- Yêu cầu HS về nhà tập kể những điều em biết về bốn mùa.
- Chuẩn bị: Tiết 3

- 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm theo.
- HS làm bài.

- Trời đã vào thu. Những đám mây bớt đổi màu. Trời bớt nặng. Gió hanh heo đã rải khắp cánh đồng. Trời xanh và cao dần lên.

TIẾT 1 :**TOÁN****SỐ 0 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA****I. Mục tiêu**

- Biết được số 0 nhân với số nào cũng bằng 0 .
 - Biết được số nào nhân với 0 cũng bằng 0
 - Biết số 0 chia cho số nào khác không cũng bằng 0.
 - Biết không có phép chia cho 0
- * Bài tập cần làm : 1,2,3

II. Chuẩn bị

- GV: Bộ thực hành Toán. Bảng phụ.
- HS: Vở.

III. Các hoạt động

Hoạt động của Thầy	Hoạt động của Trò
<p>1. <u>Khởi động</u> (1')</p> <p>2. <u>Bài cũ</u> (3') Số 0 trong phép nhân và phép chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa bài 3 <p>a) $4 \times 2 = 8$; $8 \times 1 = 8$ viết $4 \times 2 \times 1 = 8 \times 1 = 8$</p> <p>b) $4 : 2 = 2$; $2 \times 1 = 2$ viết $4 : 2 \times 1 = 2 \times 1 = 2$</p> <p>c) $4 \times 6 = 24$; $24 : 1 = 24$ viết $4 \times 6 : 1 = 24 : 1 = 24$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét <p>3. <u>Bài mới</u></p> <p><u>Giới thiệu:</u> (1')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số 0 trong phép nhân và phép chia. <p><u>Phát triển các hoạt động</u> (27')</p> <p>❖ <u>Hoạt động 1:</u> Giới thiệu phép nhân có thừa số 0.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào ý nghĩa phép nhân, GV hướng dẫn HS viết phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau: <p>$0 \times 2 = 0 + 0 = 0$, vậy $0 \times 2 = 0$</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - 3HS lên bảng sửa bài 3, bạn nhận xét. - HS viết phép nhân thành tổng các số hạng bằng nhau: <p style="text-align: right;">$0 \times 2 = 0$ 2</p> <p style="text-align: right;">$\times 0 = 0$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu bằng lời: Hai nhân